

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 458 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 13 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư và tái định cư
tại xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**
(Quy mô 497.918 m² do Công ty CP phát triển hạ tầng An Hưng Phát làm chủ đầu tư)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Xét hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư và tái định cư tại xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa do Công ty TNHH MTV Bảo Kiến lập tháng 01/2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 10/TTr-SXD ngày 21/01/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư và tái định cư tại xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với các nội dung chính sau:

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

Vị trí khu đất có ranh giới được giới hạn như sau:

- Phía Đông: Giáp Sông Buông, đất dân cư và Quốc lộ 51;
- Phía Tây : Giáp rạch Ngọn Cây Cao;
- Phía Nam : Giáp sông Buông;
- Phía Bắc : Giáp đất nông nghiệp.

2. Quy mô, diện tích quy hoạch

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: 497.918 m² (49,79 ha);
- Quy mô dân số: 8.000 – 9.850 người;
- Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/500.

3. Tính chất và mục tiêu nghiên cứu lập quy hoạch

a) Tính chất:



- Là khu dân cư xây dựng mới, tạo quỹ nhà ở với các loại hình: nhà liên kế, liên kế có sân vườn, biệt thự, chung cư thương mại, nhà ở xã hội và các công trình dịch vụ tiện ích công cộng, công viên cây xanh.

- Đầu tư hoàn chỉnh, đồng bộ các công trình công cộng phúc lợi phục vụ nhu cầu ở, sinh hoạt của người dân theo tiêu chuẩn đô thị loại I, hoàn chỉnh về hạ tầng kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật.

b) Mục tiêu:

- Cụ thể hóa quy hoạch chung thành phố Biên Hòa với các chỉ tiêu kỹ thuật tính toán phù hợp theo quy chuẩn, quy phạm hiện hành.

- Xác định vai trò, tính chất, quy mô, cơ cấu phân khu chức năng sử dụng đất, tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan của dự án.

- Tạo mối liên kết, sự thống nhất trong quản lý, cũng như đảm bảo cảnh quan kiến trúc, mối liên kết về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đối với khu vực xung quanh.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc tiến hành triển khai đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

a) Chỉ tiêu sử dụng đất

- Đất ở : 19,3 m²/người
- Đất công trình công cộng : 2,2 m²/người
- Đất giao thông : 19,9 m²/người
- Đất cây xanh, TDTT : 4,5 m²/người.

b) Mật độ xây dựng

- Biệt thự : 50%
- Nhà phố liên kế : 70- 80%
- Nhà liên kế vườn : 70%
- Nhà ở chung cư : 40%
- Công trình Thương mại, Dịch vụ: 40%
- Công trình Giáo dục, Y tế : 40%

c) Tầng cao xây dựng

- Biệt thự : 02 - 03 tầng
- Nhà phố liên kế : 02 - 03 tầng
- Nhà liên kế vườn : 02 - 03 tầng
- Nhà ở chung cư : 15 tầng
- Nhà ở kết hợp Thương mại- Dịch vụ: 15 tầng
- Công trình Giáo dục, Y tế : 02 - 04 tầng.

d) Chỉ tiêu hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Cấp nước : 180 lít/người/ngày
- Thoát nước bẩn : 80% nước cấp

- Cấp điện : 1.500 kWh/người/năm
- Rác thải : 1,2 kg /người/ngày
- Thông tin liên lạc : 0,5 máy/người.

5. Quy hoạch sử dụng đất, phân khu chức năng, các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc

a) Quy hoạch sử dụng đất:

Stt	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất ở		208.146	41,8
1	Đất ở kinh doanh		160.252	
1.1	Nhà liên kế	L	101.649	
1.2	Nhà liên kế vườn	LV	11.224	
1.3	Biệt thự	B	25.388	
1.4	Chung cư	CT	15.441	
1.5	Chung cư kết hợp Thương mại - Dịch vụ	DV	6.550	
2	Đất nhà ở xã hội - tái định cư		47.894	
2.1	Nhà liên kế tái định cư	LT	36.207	
2.2	Chung cư nhà ở xã hội	NXH	11.687	
II	Đất công trình dịch vụ đô thị		23.742	4,8
1	Công trình giáo dục	GD	19.038	
2	Văn phòng khu phố	VP	528	
3	Công trình thương mại dịch vụ	TM	4.176	
III	Đất cây xanh - thể dục thể thao	CX	48.695	9,8
1	Cây xanh cách ly	CX1	18.528	
2	Cây xanh kết hợp hoa viên	CX2	15.302	
3	Cây xanh kết hợp TDTT	CX3	14.865	
IV	Đất giao thông		214.529	43,1
V	Đất hạ tầng kỹ thuật		2.806	0,5
1	Khu xử lý nước thải	NT	1.817	
2	Trạm BTS 1	BTS 1	587	
3	Trạm BTS 2	BTS 2	402	
	Tổng cộng		497.918	100,0%

b) Quy hoạch phân khu chức năng: Dự án với tổng diện tích 497.918 m² được phân thành các khu chức năng chính sau:

b.1) Đất xây dựng nhà ở diện tích quy hoạch 208.146 m², quy hoạch gồm có 04 loại hình nhà ở: Chung cư, Liên kế phố, Liên kế sân vườn và Biệt thự, trong đó:

- Nhà ở kinh doanh: Diện tích quy hoạch 160.252 m² gồm các loại hình nhà ở Chung cư, Liên kế phố, Liên kế sân vườn và Biệt thự:

- + Chung cư: Diện tích quy hoạch 15.441 m², tổng số khoảng 640 căn hộ, tầng cao 18 tầng, mật độ xây dựng tối đa 40%.

- + Chung cư kết hợp thương mại dịch vụ: Diện tích quy hoạch 6.550 m², tổng số khoảng 136 căn hộ, tầng cao 18 tầng, mật độ xây dựng tối đa 40%.

- + Nhà ở Liên kế: Diện tích quy hoạch 101.649 m², tổng số 956 lô diện tích mỗi lô trung bình 90- 100 m²/lô, tầng cao xây dựng 02-03 tầng, mật độ xây dựng tối đa 80%.

- + Nhà ở Liên kế vườn: Diện tích quy hoạch 11.224 m², tổng số 69 lô diện tích mỗi lô 150 m²/lô tầng cao xây dựng 02-03 tầng, mật độ xây dựng 70%.

- + Nhà ở Biệt thự: Diện tích quy hoạch 25.388 m², tổng số 36 lô diện tích mỗi lô từ 600 m² – 1.000 m²/lô, tầng cao xây dựng 02-03 tầng, mật độ xây dựng 25- 50%.

- Nhà ở xã hội và tái định cư: Diện tích quy hoạch 47.894 m² gồm 02 loại hình nhà ở Liên kế, Chung cư:

- + Nhà ở Liên kế: Diện tích quy hoạch 36.207 m², tổng số 404 lô, diện tích mỗi lô trung bình 84 m²/lô (4,2m x 20m), tầng cao xây dựng 02-03 tầng, mật độ xây dựng 85%.

- + Chung cư nhà ở xã hội: Diện tích quy hoạch 11.687 m², tổng số 704 hộ; tầng cao xây dựng 15 -18 tầng, mật độ xây dựng 40%.

b.2) Đất công trình dịch vụ đô thị với tổng diện tích quy hoạch khoảng 23.742m²: Gồm các công trình Thương mại - dịch vụ, Nhà trẻ mẫu giáo, Trường tiểu học, Văn phòng khu phố, Thương mại dịch vụ trong đó:

- Thương mại - dịch vụ: Diện tích quy hoạch 4.176m², tầng cao xây dựng 02 tầng, mật độ xây dựng 40%.

- Nhà trẻ mẫu giáo gồm (GD1), quy mô diện tích 3.581m², tầng cao xây dựng 02 tầng, mật độ xây dựng 40%.

- Trường tiểu học (GD2), quy mô diện tích 6.430m², tầng cao xây dựng 02 - 03 tầng, mật độ xây dựng 40%.

- Trường trung học cơ sở (GD3), quy mô diện tích 5.401m², tầng cao xây dựng 03 - 04 tầng, mật độ xây dựng 40%.

- Nhà trẻ mẫu giáo gồm (GD4), quy mô diện tích 3.626m², tầng cao xây dựng 02 tầng, mật độ xây dựng 40%.

- Văn phòng khu phố (VP), quy mô diện tích 528m², tầng cao xây dựng 01 - 02 tầng, mật độ xây dựng 40 %.

b.3) Đất cây xanh, mặt nước +Thể dục thể thao (TDDT): Diện tích quy hoạch 48.695m², bao gồm:

- Cây xanh trong khu ở với diện tích 15.302 m², mật độ xây dựng tối đa 5%.
- Cây xanh kết hợp TDDT với diện tích 14.865m², mật độ xây dựng tối đa 5%.
- Cây xanh cảnh quan cách ly dọc sông với diện tích 18.528m², mật độ xây dựng tối đa 5%.

b.4) Đất giao thông, bãi đậu xe diện tích quy hoạch 214.529 m²: Gồm các tuyến đường giao thông nội bộ và bãi đậu xe.

b.5) Đất hạ tầng kỹ thuật với diện tích khoảng 2.806 m² bao gồm:

- Đất trạm xử lý nước thải tập trung 1.817 m².
- Đất trạm BTS: 02 trạm diện tích quy hoạch 889m².

c) Các chỉ tiêu Quy hoạch – Kiến trúc:

Stt	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tầng cao XD (tầng)	Mật độ xây dựng (%)	Số lượng căn hộ
I	Đất ở		208.146	02-20	25-85	2.945
1	Đất ở kinh doanh		160.252	02-20	25-80	1.837
1.1	Nhà liên kế	L	101.649	02- 03	80	956
1.2	Nhà liên kế vườn	LV	11.224	02 -03	70	69
1.3	Biệt thự	B	25.388	02 -03	25-50	36
1.4	Chung cư	CT	15.441	18	40	640
1.5	Chung cư kết hợp Thương mại- Dịch vụ	DV	6.550	20	40	136
2	Đất ở xã hội -tái định cư		47.894	02- 15	40- 85	1.108
2.1	Nhà liên kế tái định cư	LT	36.207	02 -03	80 - 85	404
2.2	Chung cư nhà ở xã hội	NXH	11.687	15-18	40	704
II	Đất công trình dịch vụ đô thị		23.742	02- 03	40	
1	Nhà trẻ mẫu giáo	GD1	3.581	02	40	
2	Trường tiểu học	GD2	6.430	02 -03	40	
3	Trường trung học cơ sở	GD3	5.401	03 -04	40	
4	Nhà trẻ mẫu giáo	GD4	3.626	02	40	
5	Văn phòng khu phố	VP	528	01- 02	40	
6	Công trình thương mại dịch vụ	TM	4.176	02	40	
III	Đất cây xanh- Thể dục thể thao	CX	48.695	01	05	
1	Cây xanh cách ly	CX1	18.528	01	05	

Stt	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tầng cao XD (tầng)	Mật độ xây dựng (%)	Số lượng căn hộ
2	Cây xanh kết hợp hoa viên	CX2	15.302	01	05	
3	Cây xanh kết hợp TDTT	CX3	14.865	01	05	
IV	Đất giao thông		214.529			
V	Đất hạ tầng kỹ thuật		2.806			
1	Khu xử lý nước thải	NT	1.817	01		
2	Trạm BTS 1	BTS 1	587	01		
3	Trạm BTS 2	BTS 2	402	01		
	Tổng cộng		497.918			

6. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, thiết kế đô thị

a) Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

Không gian kiến trúc cảnh quan Khu dân cư và tái định cư xã Phước Tân được tổ chức trên cơ sở tôn trọng hình thái, không phá vỡ địa hình và các điều kiện tự nhiên sẵn có, bao gồm:

- Tổ chức mạng lưới đường giao thông theo dạng ô cờ, lấy hệ thống các công trình công cộng dịch vụ đô thị, hoa viên cây xanh làm lõi trung tâm các Nhóm nhà ở tạo sự nổi kết về không gian kiến trúc, hợp lý về các công năng sử dụng và thuận tiện về sinh hoạt cộng đồng dân cư.

- Công trình điểm nhấn về không gian kiến trúc cảnh quan: Khu thương mại - dịch vụ, Chung cư ở phía Tây Nam của dự án có chiều cao 18 - 20 tầng, kiến trúc hiện đại là điểm nhấn không gian cảnh quan của khu vực.

- Công trình giáo dục, Y tế được bố trí ở vị trí trung tâm dự án và kết nối thuận tiện với trục chính của dự án, có tầng cao xây dựng trung bình 01 - 03 tầng. Các công trình này có khối tích lớn mật độ xây dựng thấp, tạo điểm nhấn về không gian kiến trúc và đảm bảo được bán kính phục vụ cho toàn khu.

b) Thiết kế đô thị

b.1) Các điểm nhấn, tuyến cảnh quan đô thị:

- Điểm nhấn cấp 1: Trung tâm thương mại dịch vụ kết hợp căn hộ chung cư (18-20 tầng) làm điểm nhấn tầng cao cho toàn khu vực.

- Điểm nhấn cấp 2: Các công trình giáo dục, dịch vụ khu ở (tầng cao 02-04 tầng).

- Điểm nhấn cấp 3: Khu hoa viên cây xanh, công viên cây xanh tập trung, khu vực dọc theo sông Buông và rạch Cây Cao hiện hữu.

- Các tuyến trục cảnh quan khu ở: D5, N1, N2.

b.2) Quy định chiều cao xây dựng công trình:

- Nhà ở Liên kế $\leq 17,0$ m.
- Nhà ở Liên kế vườn $\leq 12,50$ m
- Nhà ở Biệt thự $\leq 12,0$ m.
- Chung cư $\leq 44,50$ m.
- Chung cư kết hợp Thương mại - Dịch vụ $< 44,50$ m.
- Trường học (Tiểu học và Trung học cơ sở) ≤ 20 m
- Nhà trẻ mẫu giáo $\leq 15,0$ m.

b.3) Quy định khoảng lùi công trình đối với các tuyến đường:

- Nhà ở liên kế: Khoảng lùi trước $\geq 3,0$ m, khoảng lùi sau $\geq 2,0$ m.
- Nhà ở liên kế vườn: Khoảng lùi trước $\geq 3,0$ m, khoảng lùi sau $\geq 2,0$ m.
- Nhà ở biệt thự: Khoảng lùi trước $\geq 5,0$ m, khoảng lùi ranh đất $\geq 2,0$ m.
- Chung cư ≥ 10 m.
- Trường học (Tiểu học và Nhà trẻ mẫu giáo); Khoảng lùi trước $\geq 6,0$ m, khoảng lùi ranh đất $\geq 6,0$ m.
- Công trình dịch vụ Thương mại; Khoảng lùi trước ≥ 12 m, khoảng lùi ranh đất $\geq 6,0$ m.

b.4) Quy định về hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc chủ đạo của các công trình kiến trúc:

- Hình thức kiến trúc chủ đạo là kiến trúc hiện đại hoặc kết hợp với truyền thống, các công trình phải tạo được không gian hài hòa giữa các loại nhà ở với nhau trong cùng một khu nhà và tạo được sự đồng bộ hợp lý trong từng dãy nhà ở cùng loại (về hình thức mái, số tầng cao, khoảng lùi từng dãy nhà).

- Màu sắc công trình kiến trúc phải phù hợp với kiến trúc, cảnh quan của khu vực. Không sử dụng màu phản quang, màu sẫm và màu đậm như đen, đỏ, xanh hay vàng đậm. Chỉ được sử dụng tối đa 3 màu đối với tường bên ngoài cho một công trình nhà ở liên kế.

- Về kiến trúc công trình và quản lý đầu tư xây dựng trong dự án được quy định cụ thể tại Quy định quản lý xây dựng kèm theo hồ sơ.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Quy hoạch giao thông

a.1) Giao thông đô thị: Đường chính đô thị (mặt cắt A-A), ngang qua dự án nằm phía Đông Nam theo quy hoạch có lộ giới 80m.

a.2) Đường nội bộ trong khu dân cư:

- Đường N1, N2 (mặt cắt 1-1) lộ giới 32m; mặt đường 8m x 2, dải phân cách giữa 2m, vỉa hè hai bên 7m x 2.

- Đường D5 (mặt cắt 2-2) lộ giới 26 m; mặt đường 14 m, vỉa hè hai bên 6 m x 2.

- Đường D12 (mặt cắt 3-3) lộ giới 21,5m; mặt đường 12,5m, vỉa hè hai bên 4,5m x 2.

- Đường nội bộ trong nhóm nhà ở:

+ Mặt cắt 4-4 lộ giới 16m; mặt đường 7m, vỉa hè hai bên 4,5m x 2

+ Mặt cắt 5-5 lộ giới 10,5m; mặt đường 5m, vỉa hè 4,5m – 1m.

+ Đường đi bộ (đường dạo) trong khu dân cư: (mặt cắt 6-6) có lộ giới 5m; lòng đường 4m, vỉa hè 1m.

b) Quy hoạch san nền - Thoát nước mưa:

- Giải pháp san nền toàn bộ khu vực theo phương pháp cân bằng khối lượng đào đắp, kết nối cao độ với các dự án xung quanh. Cao độ san nền từ 2,7 - 3,3m đối với khu dân cư và +2,5m đối với khu công viên cây xanh, độ dốc từ hướng Đông Bắc xuống Tây Nam với độ dốc 0,3%.

- Hệ thống thoát nước mưa phù hợp với địa hình tự nhiên, cao độ các tuyến đường, hệ thống thoát nước mưa phải xây dựng tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

- Hệ thống thoát nước trong khu vực sử dụng các loại cống tròn Ø400 – Ø1200. Độ sâu chôn cống tối thiểu là 0,5m đối với cống trên vỉa hè, 0,7m đối với cống chôn dưới lòng đường.

- Khi tiến hành triển khai xây dựng, chủ đầu tư cập nhật các dự án quy hoạch đã được phê duyệt (hoặc đang trong quá trình triển khai hồ sơ quy hoạch) cập nhật và điều chỉnh các thông số kỹ thuật cho phù hợp với hướng thoát và cốt cao độ san lấp của các tuyến đường.

c) Quy hoạch hệ thống cấp nước - PCCC:

- Nguồn nước: Nguồn nước sạch cấp cho khu vực dự án được lấy từ nhà máy nước Thiện Tân trên đường ống Ø500 chạy dọc QL 51.

- Tổng lưu lượng khoảng 2.381m³/ngày.đêm.

- Hệ thống đường ống cấp nước tổ chức theo dạng mạch vòng khép kín, bảo đảm lượng cung cấp nước đầy đủ cho nhu cầu dùng nước hàng ngày. Trên các tuyến đường chính có bố trí các trụ chữa cháy kiểu nổi, tại các ngã ba, ngã tư thuận tiện cho việc xe chữa cháy lấy nước, khoảng cách 150m một trụ chữa cháy.

d) Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng với nước mưa. Tiêu chuẩn thoát nước thải là 80% nước cấp. Đường cống thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, tận dụng tối đa điều kiện địa hình, độ dốc của cống thoát nước thải được lấy lớn hơn hoặc bằng 1/D. Sử dụng các loại cống tròn Ø300 – Ø400.

- Toàn bộ nước thải từ các công trình phải được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại trước khi xả ra hệ thống thoát nước thải tập trung dẫn về trạm xử lý nước thải trung nằm tại vị trí phía Tây Nam của dự án. Công suất của trạm $Q = 1.910\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Chất lượng nước thải sau khi xử lý phải đảm bảo các chỉ tiêu kiểm soát ô nhiễm theo quy định tại cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước thải sinh hoạt.

- Rác thải vệ sinh môi trường: Ký hợp đồng với đơn vị Dịch vụ môi trường đô thị thu gom hàng ngày và đưa đi xử lý bằng xe chuyên dùng tại bãi xử lý theo quy hoạch.

- Nghĩa trang: Sử dụng nghĩa trang theo quy hoạch chung thành phố Biên Hòa.

e) Quy hoạch hệ thống cấp điện - chiếu sáng:

- Nguồn cấp điện cho khu quy hoạch lấy từ trạm 110/22/63MVA Long Bình, dẫn theo trục đường QL51.

- Hệ thống điện với mức tiêu thụ điện hàng năm: 18.262 Mwh/năm.

- Tuyến hạ thế, lưới điện chiếu sáng đi ngầm dưới vỉa hè.

g) Quy hoạch hệ thống thông tin viễn thông:

- Xây dựng mới tuyến cáp quang kết nối từ tổng đài trung tâm xã Phước Tân về.

- Đầu tư xây dựng một hệ thống trạm viễn thông hoàn chỉnh, có khả năng kết nối hoàn chỉnh với mạng viễn thông quốc gia và hệ thống công bố chờ có khả năng kết nối một cách đồng bộ tránh việc phát sinh thi công sau này.

- Tổng dung lượng là 5.449 thuê bao.

- Bố trí 02 trạm thu phát sóng di động BTS.

8. Quy định quản lý theo quy hoạch

Quy định quản lý theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư và tái định cư xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa do Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng An Hưng Phát làm chủ đầu tư, gồm 3 Chương và 14 Điều, đã được Sở Xây dựng thẩm tra.

9. Tổ chức thực hiện, nguồn vốn thực hiện

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng An Hưng Phát.

- Nguồn vốn thực hiện dự án: Vốn chủ sở hữu và vốn tín dụng thương mại phù hợp quy định.

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa, Chủ tịch UBND xã Phước Tân, Giám đốc Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng An Hưng Phát, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Công bố công khai cho nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội có liên quan trên địa bàn về nội dung quy hoạch, cùng nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt.

2. Trong quá trình lập dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật cần liên hệ với các chuyên ngành: Giao thông, cấp nước, cấp điện, bưu chính viễn thông, công an phòng cháy chữa cháy,... để xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp với hệ thống đầu nối hạ tầng chung tại khu vực.

3. Chủ đầu tư khẩn trương thực hiện lập hồ sơ chấp thuận đầu tư, thiết kế cơ sở trình thẩm tra và phê duyệt theo các quy định hiện hành trước khi tổ chức thi công các hạng mục công trình theo quy hoạch.

4. Định kỳ mỗi 03 tháng chủ đầu tư gửi báo cáo tiến độ triển khai dự án về UBND tỉnh và Sở Xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa, Chủ tịch UBND xã Phước Tân, Giám đốc Công ty cổ phần phát triển hạ tầng An Hưng Phát, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng (CNN);
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, CNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

